

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-PT
Ngày 29 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trung;
Ông Tôn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2020/TLPT-HS ngày 09/01/2020 đối với bị cáo Lê Thị Diễm C, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 251/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố H. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/HSST-QĐ ngày 17/4/ 2020.

*Bị cáo có kháng cáo:***Lê Thị Diễm C**; tên gọi khác: không; sinh ngày 13/11/1975, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: phường Tây L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn P (chết) và bà Mai Thị Ánh N; Chồng: Trần Ngọc T, và 03 con (Lớn nhất 24 tuổi, nhỏ nhất 13 tuổi).

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình; học hết lớp 12/12 thì nghỉ học; năm 2012 làm nhân viên bán hàng của Công ty TNHH MTV Gia N cho đến ngày gây án. Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày 19/7/2019 thì được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/4/2012, Lê Thị Diễm C được Doanh nghiệp tư nhân Gia N, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Gia N (gọi tắt Công ty Gia N) đóng

tại khu quy hoạch biệt thự QL1A-Tự Đ, phường An T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận vào làm việc bằng Hợp đồng lao động số 49/HĐLĐ. Theo Hợp đồng thì C có nhiệm vụ bán hàng là sữa vinamilk theo tuyến được phân công, thu hồi công nợ theo đơn hàng đã bán và hoàn toàn chịu trách nhiệm với công nợ đó; phải bồi hoàn nếu gây thất thoát. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, C luôn hoàn thành. Từ năm 2017, C tham gia vào công ty đa cấp “Liên minh tiêu dùng” và vay tiền người khác để đầu tư. Đến đầu năm 2018 công ty đa cấp “Liên minh tiêu dùng” bị đình chỉ hoạt động. Để có tiền trả nợ, từ ngày 10/02/2018 đến ngày 06/3/2018, C đã đi thu tiền hàng từ 13 chủ mua hàng của Công ty đóng trên địa bàn thành phố H, nhưng không nộp lại cho Công ty với tổng số tiền 499.291.000 đồng. Cụ thể những chủ mua hàng và số tiền C đã thu nhưng không nộp lại cho Công ty như sau:

1. Bà Trần Thị T (sinh năm 1957, trú tại phường Phú H, thành phố H): 24.129.000 đồng.

2. Bà Võ Thị Tuyết H (sinh năm 1962, trú tại phường Vỹ Dạ, thành phố H): 9.996.000 đồng.

3. Bà Lê Thị H (sinh năm 1969, trú tại phường Tây L, thành phố H): 181.479.000 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị An X (sinh năm 1978, trú tại phường An Đ, thành phố H): 70.245.000 đồng.

5. Chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1976, trú tại phường Tây Lộc, thành phố H): 123.668.000 đồng.

6. Chị Nguyễn Hoàng Như Y (sinh năm 1990, trú tại phường Vỹ D, thành phố H): 1.179.000 đồng.

7. Chị Lê Thị Lành (sinh năm 1975, trú tại Tổ 6, Tây Thượng, Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế): 1.242.000 đồng.

8. Bà Trần Thị Kim H (sinh năm 1967, trú tại phường Tây L, thành phố H): 67.488.000 đồng.

9. Bà Phan Thị Đ (sinh năm 1933, trú tại phường Vỹ D, thành phố H): 7.943.000 đồng.

10. Bà Nguyễn Thị Thanh H (sinh năm 1966, trú tại phường Vỹ D, thành phố H): 3.501.000 đồng.

11. Chị Đặng Thị X (sinh năm 1981, trú tại phường Vỹ D, thành phố H): 1.532.000 đồng.

12. Chị Trần Thị B (sinh năm 1974, trú tại phường Vỹ D, thành phố H): 5.300.000 đồng.

13. Cửa hàng ở địa chỉ phường Vỹ D, thành phố H: 1.589.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt 499.291.000 đồng của Công ty Gia N, C bỏ trốn nên ngày 16/3/2018, ông Phan Kim K là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty làm đơn trình báo đến Công an thành phố H.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C cùng gia đình đã bồi thường cho Công ty Gia N 265.695.000 đồng. Hiện còn lại 233.695.000 đồng, Công ty và C thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu các Cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đưa vụ án ra xét xử và quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Lê Thị Diễm C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm C, 04 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt giam thi hành án, được trừ thời giam tạm giam từ ngày 01/6/2019 đến ngày 19/7/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/11/2019, bị cáo Lê Thị Diễm C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm về tính hợp pháp của kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo 06 tháng tù và không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo để sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã được nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Lê Thị Diễm C là nhân viên của Công ty Gia N. Lợi dụng công việc Công ty giao là đi giao hàng và thu tiền hàng, từ ngày 10/02/2018 đến ngày 06/3/2018, C đã thu tiền từ 13 chủ mua hàng trên địa bàn thành phố H nhưng không nộp lại cho Công ty mà chiếm đoạt tổng cộng 499.291.000 đồng. Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố H đã xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị Diễm C về việc xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo thì thấy rằng: Bị cáo C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của Công ty Gia N để chiếm đoạt số tiền lớn. Do đó cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C

04 năm 03 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét chiều cố đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, nhưng không áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không bổ sung được tài liệu, chứng cứ làm phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Thị Diễm C phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Diễm C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 251/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Diễm C, 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản” Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt giam thi hành án, nhưng được trừ thời giam tạm giam từ ngày 01/6/2019 đến ngày 19/7/2019.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Thị Diễm C phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDTTT-Huế;
- Phòng PV27-CA Tỉnh;
- TAND Thành phố H;
- Công an Thành phố H;
- Bị cáo;
- Chi cục THA Thành phố H;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

La Minh Tường